

PGS.TS Nguyễn Thế Hình.

Nội dung cơ bản của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

**Nhà xuất bản Lý luận Chính trị
Hà Nội - 2005**

LỜI NÓI ĐẦU.

Hiện nay việc nghiên cứu, quán triệt và vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh đã trở thành đòi hỏi bức xúc của toàn xã hội. Môn học tư tưởng HỒ Chí Minh cũng được triển khai ở tất cả các trường đại học và cao đẳng trên cả nước từ năm học 2003-2004.

Để góp phần phục vụ cho yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Trường đại học Kinh tế quốc dân, căn cứ vào nhiệm vụ của Bộ môn lịch sử Đảng - Tư tưởng HỒ Chí Minh cũng như của khoa Mác-Lênin nói chung; để đáp ứng kịp thời yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên, chúng tôi đã biên soạn cuốn sách "Nội dung cơ bản của môn học tư tưởng HỒ Chí Minh".

Cuốn sách được biên soạn dựa theo nội dung cuốn Giáo trình tư tưởng HỒ Chí Minh của Hội đồng lý luận Trung ương biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2003; căn cứ vào "ĐỀ cương môn học Tư tưởng HỒ Chí Minh" của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Thứ trưởng Trần Văn Nhung ký ngày 31-7-2003; đồng thời liếp thu và kế thừa những nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước. Cuốn sách có bổ sung thêm bài "Tư tưởng HỒ Chí Minh về kinh tế và quản lý kinh tế" phục vụ cho mục tiêu đào tạo của Trường đại học Kinh tế quốc dân. Rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Do yêu cầu học tập và nghiên cứu môn Tư tưởng HỒ Chí Minh trong trường đại học và cao đẳng ngày càng mở rộng, chúng tôi tái bản lần 1 cuốn sách "Nội dung cơ bản của môn học Tư tưởng HỒ Chí Minh" đã phát hành năm 2004 và có bổ sung, hoàn thiện cho đầy đủ hơn theo "giáo trình Tư tưởng HỒ Chí Minh (dùng trong các trường đại học, cao đẳng)" của Bộ giáo dục và đào tạo in tại Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2005, cùng với những nghiên cứu mới.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự góp ý của bạn đọc.

Tác giả

BÀI 1

KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU; KHÁI NIỆM VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

a. Vị trí môn học

Môn tư tưởng HỒ Chí Minh có hai chức năng quan trọng, bao gồm:

- + Chức năng nhận thức;
- + Chức năng hành động.

Môn tư tưởng HỒ Chí Minh trang bị cho người học những yếu tố sau:

- + Nhận thức được quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, từ đó góp phần hình thành lý luận về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đặc biệt là lý luận về công cuộc đổi mới hiện nay.
- + Có khả năng nắm bắt thẩm định được các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta để từng bước thực hiện, hoàn thiện và đem lại tính khả thi cao cho đường lối.
- + Góp phần giáo dục truyền thống văn hoá, đoàn kết dân tộc, nâng cao ý chí tự lực tự cường, xây dựng con người Việt Nam mới, con người xã hội chủ nghĩa.

b. Đối tượng môn học

Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh, có thể chia thành ba nhóm như sau:

- Nghiên cứu về lịch sử tư tưởng HỒ Chí Minh;
- Nghiên cứu về nội dung tư tưởng HỒ Chí Minh;
- Vấn đề vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng hiện nay.

c. Phương pháp nghiên cứu

- Về phương pháp luận:

- + Phải lấy thế giới quan và phương pháp. luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử mác xít làm cơ sở để xem xét nghiên cứu các vấn đề về tư tưởng HỒ Chí Minh.
- + Bảo đảm sự thống nhất giữa tính Đảng vô sản và tính khoa học.
- + Phải kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgíc.

- Nguồn tài liệu để nghiên cứu:

- + Các văn kiện, tài liệu, bài viết, bài nói của HỒ Chí Minh, các văn kiện, tài liệu của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như các tổ chức tiền thân của Đảng.
- + Các hồi ký, bà; viết của bạn bè, những công trình nghiên cứu về HỒ Chí Minh ở trong nước và trên thế giới.
- + Những hoạt động thực tiễn của HỒ Chí Minh ở trong nước và quốc tế.
- + Ngoài ra có thể khai thác nguồn tài liệu phản diện.

2. Khái niệm tư tưởng HỒ Chí Minh

Tư tưởng HỒ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Như vậy tư tưởng HỒ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa, nhân nghĩa của dân tộc và thực tiễn cách mạng Việt Nam với

tin hoa văn hóa nhân loại, được nâng lên tầm cao mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

II. NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1 Điều kiện lịch sử - xã hội, gia đình và thời đại.

- Xã hội Việt Nam thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

+ Thế kỷ XIX chế độ phong kiến Việt Nam đã quá suy tàn thực dân Pháp đến xâm lược và thống trị nước ta. Chúng đã cấu kết với thế lực phong kiến Việt Nam, thực hiện chính sách cai trị phản động và tàn bạo, biến Việt Nam thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

+ Phong trào đấu tranh của nhân dân ta diễn ra rất sôi nổi và rộng khắp, nhưng đều bị đàn áp đẫm máu. Các con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và dân chủ tư sản lần lượt bị thất bại. Cách mạng Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước.

Quê hương, gia đình:

+ *Hồ Chí Minh* sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước thương dân, gần gũi với dân; có ý chí kiên cường vượt khó; có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo.

+ Nghệ Tĩnh là mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm; nơi có nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử; có nhiều phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng rộng lớn.

Thời đại:

+ Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Vấn đề dân tộc thuộc địa đã trở thành phổ biến trên thế giới và giải phóng cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc là yêu cầu bức xúc của toàn nhân loại.

+ Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã biến chủ nghĩa Mác-Lênin thành hiện thực đã mở ra Thời đại mới

- Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội,

+ Cách mạng tháng Mười thành công với Quốc tế Cộng sản ra đời năm 1919 đã cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, đồng thời coi phong trào đó là một bộ phận khăng khít của phong trào cộng sản quốc tế. Khẩu hiệu của Quốc tế cộng sản lúc này là "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức bóc lột đoàn kết lại".

2. Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh

- Chủ nghĩa yêu nước và truyền thống văn hóa Việt Nam.

+ Chủ nghĩa yêu nước và ý chí quật cường của dân tộc là dòng chủ lưu xuyên suốt lịch sử Việt Nam, đứng đầu bằng giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam, là đạo lý sống, là niềm tự hào của cả dân tộc.

+ Tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết cộng đồng.

+ Truyền thống lạc quan yêu đời.

+ Truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo.

- Tinh hoa văn hóa nhân loại:

+ Tinh hoa văn hóa phương Đông: đó là những mặt tích cực của Nho giáo như tư tưởng nhập thế, hành đạo, cứu giúp đời, tư tưởng về một thế giới đại đồng; tư tưởng về tu dưỡng đạo đức cá nhân, đề cao văn hoá, lễ giáo; ĐÓ là những yếu tố tích cực của Phật giáo như lòng vị tha, bác ái, thương người như thể thương thân, chăm lo làm điều thiện, đề cao lao động, chống lười biếng... ; đó là sự kế thừa lòng nhân ái, đức hy sinh của Thiên Chúa giáo...

+ Tư tưởng văn hóa phương Tây: ngay từ khi còn nhỏ, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc văn hoá phương Tây, tìm hiểu cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp (1789-1792) với khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái. Khi ra nước ngoài, hơn 30 năm khảo sát, tìm hiểu thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu được rất nhiều những giá trị của nền văn minh nhân loại. Đặc biệt là thời gian sống ở Paris. Paris là thủ đô của nước Pháp, đồng thời là trung tâm văn hóa nghệ thuật của châu Âu. Các trào lưu triết học và các trường phái nghệ thuật nổi tiếng thế giới phần lớn đều được hình thành và ra mắt tại đây, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện thuận lợi để nhanh chóng chiếm lĩnh vốn tri thức của thời đại, đặc biệt là văn hóa dân chủ và tiến bộ của nước Pháp.

Trên hành trình cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã làm giàu trí tuệ của mình bằng sự tích lũy tri tuệ của thời đại để từ đó mà suy ngẫm, lựa chọn và vận dụng vào cách mạng Việt Nam.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin:

+ Chủ nghĩa Mác-Lênin đến với Nguyễn Ái Quốc bắt đầu từ "*Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*" của Lênin được đăng trên báo "*Nhân đạo*" của Đảng Xã hội Pháp năm 1920. Nhờ bản lĩnh và trí tuệ của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin một cách sáng tạo, không rơi vào sao chép, giáo điều, rập khuôn. Người đã biết tiếp thu có chọn lọc, vận dụng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Hơn nữa còn có sự phát triển rất lớn. Nhờ nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã xử lý rất thành công lượng kiến thức khổng lồ mà mình đã thu nhận được của nền văn minh nhân loại suy ngẫm, vận dụng sáng tạo trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể để đem lại thắng lợi huy hoàng cho cách mạng Việt Nam.

Những nhân tố chủ quan:

+ Nguyễn Ái Quốc có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, cộng với khả năng phân tích, phê phán tinh tường sáng suốt đã giúp Người có được tầm nhìn chiến lược rộng lớn và nhận định chính xác.

+ Kiên trì khổ công rèn luyện nên đã tiếp thu được kiến thức rất phong phú của nhân loại.

+ Có trái tim yêu nước thương dân, thương yêu những người cùng khổ, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng.

Nhờ những phẩm chất cá nhân hiếm có, những năng lực đặc biệt mà Nguyễn Ái Quốc đã biết kết hợp những tinh hoa của dân tộc, của thời đại thành tư tưởng của

mình để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Cũng có nhiều người Việt Nam đã tham gia vào Đảng xã hội Pháp và nhiều người thuộc địa đọc được luận cương của Lênin, nhưng chỉ có Nguyễn Ái Quốc mới thấy được con đường chân chính để giải phóng dân tộc. Trong khi bốn ba khắp thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã biết đến nhiều chủ nghĩa khác nhau, nhưng Người cho rằng: "chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin".

3. Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh

Từ năm 1890 đến năm 1911 : là giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng.

Giai đoạn này Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu truyền thống yêu nước nhân nghĩa của dân tộc; hiểu biết văn hóa phương Đông; hình thành hoài bão cứu dân, cứu nước. Nhờ đó mà Người đã chọn lựa được hướng đi đúng, cách đi đúng.

- *Từ năm 1911 đến năm 1920*: là giai đoạn tìm tòi khảo nghiệm. Nguyễn Ái Quốc đã bốn ba khắp các châu lục tìm hiểu cách mạng thế giới và cuộc sống của nhân dân các nước. Cuối cùng Người đã hiểu rằng: chỉ có đi theo con đường cách mạng vô sản mới giải phóng được các dân tộc thuộc địa khỏi ách nô lệ. Người hoàn toàn tin tưởng theo chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường cách mạng vô sản. Bằng việc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện quyết tâm đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

- *Từ năm 1920 đến năm 1930*: là giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam. Giai đoạn này Nguyễn Ái Quốc vừa hoạt động cách mạng, vừa đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, từng bước xây dựng tư tưởng chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng Việt Nam. Tư tưởng này thể hiện rõ nhất từ tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, đến *Đường cách mệnh* rồi đến *Chính cương, Sách lược, Điều lệ tóm tắt* của Đảng do Người soạn thảo đã thông qua ở Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng

Vào đầu nhân năm 20, khi hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và cụ thể hoá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Những bài viết của Người trong thời gian này được tập hợp trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp". Đây là tác phẩm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn. Tác phẩm đã tố cáo mạnh mẽ chế độ đế quốc thực dân, chỉ rõ bản chất phản động ăn bám của nó; Tác phẩm cho thấy nỗi thống khổ của những người lao động bị áp bức và sức mạnh to lớn ở các nước thuộc địa; Tác phẩm còn chỉ ra con đường giải phóng thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc.

Vào cuối những năm 20, khi hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực đào tạo cán bộ, chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản. Nhận bài giảng, bài viết của Người được tập hợp trong tác phẩm "Đường cách mệnh". Tác phẩm đã phản ánh những tư tưởng cơ bản của Người về vấn đề cách mạng Việt Nam như: về con đường cách mạng, về động lực và lực lượng cách mạng, về đoàn kết dân tộc và quốc

tế, về phương pháp cách mạng, về Đảng và các đoàn thể quần chúng, về chủ nghĩa. ...

Tháng 2-1930 Đảng cộng sản Việt Nam ra đời. Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua chính cương, sách lược, điều lệ tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Đó là hệ thống những quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, là những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam, như tư tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, về quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, về động lực và lực lượng cách mạng, về phương pháp bạo lực cách mạng, và vai trò của Đảng cộng sản, về quan hệ với cách mạng thế giới ... Đường lối trên đã trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Từ năm 1930 đến năm 1941 : là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam.

Lúc này trong phong trào cộng sản quốc tế xuất hiện xu hướng "tả khuynh", đã coi thường cách mạng ở các thuộc địa, mà thiên về đấu tranh giai cấp và cách mạng thế giới. Trong khi đó thì ở Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc lại chủ trương coi trọng cách mạng trong từng dân tộc, khơi dậy sức mạnh của dân tộc để tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Vì vậy, Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930 của Đảng ta theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, đã ra nghị quyết thủ tiêu chính cương sách lược vắn tắt, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Mặc dù bị phê phán, bị cô lập Nguyễn Ái Quốc một mặt chấp hành nghị quyết, nhưng mặt khác vẫn chờ dịp để thực hiện quan điểm đúng đắn của mình. Thực tế cho thấy quan điểm của Nguyễn Ái Quốc là hoàn toàn đúng. Đại hội VII Quốc tế cộng sản (1935) đã tự phê bình về những sai lầm "tả khuynh" của mình làm ảnh hưởng đến việc tập hợp lực lượng cách mạng; Tháng 9-1938, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản chấp nhận rời khỏi viện nghiên cứu Các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản để về nước hoạt động ở Việt Nam. Từ Hội nghị Trung ương 6 (11 - 1939) cũng bắt đầu chuyển hướng chỉ đạo chiến lược theo Tư tưởng Hồ Chí Minh - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Từ năm 1941 đến năm 1969: là giai đoạn phát triển và thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh về nước trực tiếp chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941). Hội nghị đã hoàn chỉnh đường lối giải phóng dân tộc, chủ trương thành lập Nhà nước và mặt trận riêng cho từng dân tộc ở Đông Dương.

+ Sau cách mạng Tháng Tám, Đảng ta và Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được hoàn thiện trên một loạt vấn đề. Như đường lối chiến tranh nhân dân; quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa; xây dựng Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và quốc tế.

+ Di chúc của HỒ Chí Minh là sự tổng kết sâu sắc những bài học đấu tranh và thắng lợi của cách mạng, là những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước.

III. Ý NGHĨA VIỆC HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng HỒ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào cách mạng Việt Nam, cần phải căn cứ vào thực tế của Việt Nam để vận dụng một cách sáng tạo lý luận chung, kể cả việc vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh.

2. Cốt lõi của tư tưởng HỒ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây không chỉ là mục tiêu lâu dài của cách mạng Việt Nam mà còn là chân lý lớn của thời đại ngày nay.

3. Tư tưởng HỒ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới và sáng tạo. Muốn cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thành công thì phải nắm vững tư tưởng độc lập tự chủ, đổi mới, sáng tạo trong tư tưởng HỒ Chí Minh.

BÀI 2

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc

- Nhà nước dân tộc ra đời cùng với sự xuất hiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đó là nhà nước dân tộc tư bản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc thì xuất hiện vấn đề dân tộc thuộc địa. Theo Lênin, dân tộc tư bản chủ nghĩa có hai xu hướng phát triển trái ngược nhau:

+ Sự thức tỉnh ý thức dân tộc, làm cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển. Từ đó sẽ dẫn đến việc thành lập ra các quốc gia dân tộc độc lập.

+ Với sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến việc phá hủy hàng rào ngăn cách dân tộc; làm cho các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau hơn.

Như vậy hai xu hướng của dân tộc tư bản chủ nghĩa phát triển trái ngược nhau và ngày càng mâu thuẫn sâu sắc. Chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết được mâu thuẫn đó, mà chỉ làm cho xung đột dân tộc tăng lên. Chỉ có trong chủ nghĩa xã hội mới có thể thực hiện được sự bình đẳng dân tộc, xóa bỏ mâu thuẫn của hai xu hướng phát triển trong chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các dân tộc cùng phát triển.

2. Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là vấn đề dân tộc thuộc địa, mà điểm mấu chốt là thủ tiêu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân nước ngoài, giành độc lập dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc có những điểm chính sau:

a. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm

- Độc lập dân tộc là điều kiện tốt nhất cho các dân tộc phát triển. Bởi vì có độc lập tự do thì các dân tộc mới phát huy được tài năng trí tuệ của dân tộc mình. Lịch sử phát triển của các dân tộc là lịch sử đấu tranh cho độc lập tự do. "Tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Độc lập dân tộc theo tư tưởng HỒ Chí Minh:

+ Phải có quyền tự quyết về tất cả các mặt, cả về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá...

+ Phải có hoà bình thực sự. Nếu còn bọn thực dân xâm lược thì không thể có hoà bình thực sự - cho nên "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi."

+ Phải gắn với tự do hạnh phúc của nhân dân. Độc lập mà không có tự do hạnh phúc cho đông đảo người dân lao động là độc lập giả tạo. Độc lập như vậy thì cũng không có ý nghĩa gì. Sau cách mạng tháng Tám, chúng ta đã giành được chính quyền, giành được độc lập tự do, nhưng HỒ Chí Minh vẫn nhắc nhở: "Chúng ta tranh được độc lập tự do độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân

chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ".

+ Độc lập dân tộc còn là sự bình đẳng giữa các dân tộc. Nếu một dân tộc đã có độc lập, nhưng lại đi chà đạp, bóc lột dân tộc khác thì bản thân dân tộc đó cũng không có độc lập tự do thật sự, vì khi đã đi chà đạp dân tộc khác thì nhất định họ sẽ nhận được sự phản ứng, sự chống đối quyết liệt của kẻ bị chà đạp. Từ thực tiễn cuộc sống, HỒ CHÍ MINH đã đưa ra một chân lý bất hủ, có giá trị cho mọi thời đại "không có gì quý hơn độc lập tự do".

b. Ở các nước đang đấu tranh giành độc lập, chủ nghĩa dân tộc chân chính vẫn là một động lực lớn

- Chủ nghĩa dân tộc ở đây không thể hiểu là chủ nghĩa sô vanh nước lớn, vị kỷ hẹp hòi của giai cấp tư sản, mà đó thực sự là theo tinh thần giai cấp vô sản. Có thể hiểu nó là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính.

- Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn bởi vì theo HỒ CHÍ MINH, ở các nước thuộc địa và phụ thuộc mâu thuẫn giai cấp chưa sâu sắc, cuộc đấu tranh giai cấp ở đó chưa quyết liệt Ngược lại các giai cấp trong xã hội đang có chung một kẻ thù là bọn thực dân xâm lược. Giữa họ vẫn có một sự tương đồng lớn. Dù đại chủ hay nông dân, họ đều là người nô lệ mất nước. Chính vì thế mà có cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, có phong trào Đông Du, có việc Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917...

Như vậy HỒ CHÍ MINH đánh giá rất cao chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, coi đó là động lực lớn trong dân tộc. Những người cộng sản cần phải nắm lấy và phát huy động lực đó để giải phóng đất nước.

c. Kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố dân tộc với yếu tố giai cấp

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: Vấn đề dân tộc bao giờ cũng được nhận thức và giải quyết theo lập trường của một giai cấp nhất định. Trong thời đại ngày nay, chỉ có theo lập trường của giai cấp công nhân thì vấn đề dân tộc mới được giải quyết đúng đắn và triệt để.

- HỒ CHÍ MINH cũng cho rằng ngày nay vấn đề dân tộc phải được nhận thức và giải quyết theo lập trường của giai cấp công nhân. Vì vậy sự nghiệp giải phóng cho các dân tộc bị áp bức cũng phải là sự nghiệp của giai cấp công nhân và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo nên độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc phải bảo đảm ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

- Các dân tộc thuộc địa muốn giải phóng phải dựa vào sức mình là chính, không phụ thuộc vào cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc. Cho nên không trông chờ, ỷ lại mà phải tự cứu lấy mình.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

- Tư tưởng HỒ CHÍ MINH về cách mạng giải phóng dân tộc chiếm một vị trí quan trọng trong tư tưởng HỒ CHÍ MINH, bao gồm 5 nội dung cơ bản sau:

1. Cách mạng giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản

- Cách mạng giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản, nghĩa là đi theo quỹ đạo của cuộc cách mạng vô sản. Muốn vậy thì cuộc cách mạng giải phóng dân tộc phải do giai cấp công nhân lãnh đạo và phải gắn với mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản vì:

+ Con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và dân chủ tư sản đã lỗi thời và đều bị đàn áp đẫm máu, không đáp ứng được yêu cầu cách mạng Việt Nam.

+ Ở Việt Nam chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong nhất và có khả năng nhất để lãnh đạo cách mạng.

+ Thời đại ngày nay, giai cấp công nhân là giai cấp trọng tâm, có sứ mệnh lãnh đạo đối với dân tộc. Nghiên cứu các phong trào cách mạng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh chia ra thành hai loại: "dân tộc cách mệnh và giai cấp cách mệnh" chúng có liên quan mật thiết với nhau. Từ việc làm rõ mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng dân tộc và cách mạng giai cấp, Hồ Chí Minh đã đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Đây là phát hiện mới, một sự vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện Việt Nam.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo

Sự nghiệp giải phóng dân tộc bao giờ cũng phải cần giai cấp tiên phong lãnh đạo. Giai cấp tiên phong trong thời đại ngày nay chỉ có thể là giai cấp công nhân. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thì cách mạng giải phóng dân tộc mới được tiến hành triệt để và đi đến thắng lợi cuối cùng.

Hồ Chí Minh là người đã sớm phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở một nước thuộc địa lạc hậu như Việt Nam. Mác là người phát hiện và xây dựng lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới. Thông thường, người ta chỉ nghĩ đến giai cấp công nhân ở các nước có nền đại công nghiệp phát triển. Còn các nước thuộc địa lạc hậu, công nhân chỉ là con số rất nhỏ và lại bị bóc lột rất nặng nề, cho nên, việc nhận ra sứ mệnh lịch sử của họ không phải là dễ dàng.

Hồ Chí Minh không những đã phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, mà Người còn phấn đấu không mệt mỏi để giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện được sứ mệnh đó trong thực tế.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân

- Quán triệt quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc "là việc chung của dân chúng chứ không phải việc một hai người".

- "Dân chúng" ở đây, theo HỒ Chí Minh là tất cả những ai là "con RỒNG cháu Tiên", là những người Việt Nam yêu nước, yêu độc lập tự do của dân tộc, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, giai cấp khác nhau. Như vậy lực lượng cách mạng của dân tộc sẽ bao gồm hầu hết các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, kể cả phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản dân tộc (chỉ trừ bọn bán nước, phản động).
- Để quần chúng nhân dân có được sức mạnh phải tổ chức họ trong các đoàn thể quần chúng, trước hết là mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận sẽ đoàn kết được các lực lượng khác nhau trong mục tiêu chung là chống đế quốc thực dân, giành độc lập, tự do cho dân tộc.
- Muốn xây dựng được khối đại đoàn kết trong mặt trận phải bảo đảm tính giai cấp công nhân trong mặt trận. Nghĩa là phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phải lấy liên minh công nông và trí thức làm nòng cốt.

4. Cách mạng dân tộc phải chủ động sáng tạo và có khả năng thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

- Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc, Lênin cho rằng cách mạng vô sản phải liên hệ mật thiết với cách mạng ở thuộc địa. Nhưng trong xu thế "tả khuynh" của phong trào cộng sản quốc tế đầu thế kỷ XX có nhiều người cho rằng phải đánh đổ chủ nghĩa tư bản ở chính quốc mới giải phóng được các dân tộc thuộc địa.
- HỒ Chí Minh không chỉ thấy rõ quan hệ mật thiết giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng ở thuộc địa, mà Người còn phát hiện ra khả năng giành thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa so với cách mạng chính quốc. Cho nên, cách mạng thuộc địa cần phải chủ động sáng tạo để đi đến thắng lợi. Đây là luận điểm mới, rất sáng tạo của HỒ Chí Minh. Cơ sở khách quan của luận điểm này là:
 - + Nguyên nhân của mọi cuộc cách mạng xã hội là do mâu thuẫn nội tại trong xã hội đó quyết định. Do sự tàn bạo của bọn đế quốc thực dân và tay sai đã làm cho mâu thuẫn ở các nước thuộc địa trở nên sâu sắc. Theo HỒ Chí Minh: Hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là chính quốc. Nếu khinh thường cách mạng ở thuộc địa tức là muốn đánh rắn đặng đuôi.
 - + Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Mặc dù quần chúng nhân dân ở các nước thuộc địa bị bóc lột nặng nề, nhưng cũng vì vậy mà ở đó đang tiềm ẩn những sức mạnh ghê gớm. Nếu được tổ chức, được giác ngộ thì họ sẽ trở thành một lực lượng khổng lồ. "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến."
 - + Theo HỒ Chí Minh, ở các nước thuộc địa, chủ nghĩa dân tộc là một động lực to lớn. Những người cộng sản cần phải nắm lấy động lực này, phát huy động lực này để tiến hành cuộc cách mạng giải phóng cho dân tộc. Cuộc cách mạng giải phóng dân

tộc ở thuộc địa không những có khả năng giành thắng lợi trước cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc mà Hồ Chí Minh còn khẳng định nó có thể tác động trở lại, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc. "Trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em của mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn."

5. Cách mạng giải phóng dân tộc được thực hiện bằng con đường bạo lực
Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng bạo lực cách mạng là quy luật phổ biến của cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh cũng không bao giờ ảo tưởng về lòng nhân từ của bọn xâm lược "Chủ nghĩa thực dân tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu". Cho nên sử dụng bạo lực cách mạng để chiến thắng kẻ thù là tất yếu khách quan.

Bạo lực cách mạng ở Việt Nam phải bao gồm hai lực lượng là lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, với hai hình thức đấu tranh đó kết hợp với nhau.

+ Lực lượng chính trị quần chúng là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang. Lực lượng chính trị quần chúng phải có tổ chức, có lãnh đạo của Đảng Cộng sản và hành động nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của giai cấp công nhân, trước hết là giành và giữ chính quyền.

+ Lực lượng vũ trang của ta bao gồm ba thứ quân là bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và quân du kích.

Bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh khác với chính sách hiếu chiến tàn bạo của bọn xâm lược. Ở Hồ Chí Minh, bạo lực cách mạng luôn thống nhất với tính nhân văn và bản chất hoà bình của Người.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

1 Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp công nhân.

3. Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

BÀI 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. HỒ CHÍ MINH TIẾP CẬN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ HỌC THUYẾT MÁC-LÊNIN

Theo học thuyết Mác-Lênin loài người đã trải qua 5 hình thái kinh tế xã hội khác nhau. Hiện nay một số nước đang ở giai đoạn thấp của hình thái chủ nghĩa cộng sản đó là chủ nghĩa xã hội. Từ sau thắng lợi của cách mạng tháng Mười, loài người đã bước vào Thời đại mới - Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, ở đó giai cấp công nhân là giai cấp trung tâm, có sứ mệnh lãnh đạo xã hội.

- Trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin. HỒ CHÍ MINH cũng cho rằng "loài người nhất định sẽ vươn tới chủ nghĩa xã hội, một xã hội có nền văn hóa phát triển cao" và Người khẳng định "ở Việt Nam, chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất và có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam".

b. HỒ CHÍ MINH CÒN TIẾP CẬN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NHỮNG NÉT RIÊNG

- Từ chủ nghĩa yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc bởi vì bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cũng là nhằm giải phóng cho các dân tộc, giải phóng cho con người.

- HỒ CHÍ MINH còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức. Đối với HỒ CHÍ MINH. đạo đức cao cả nhất là đạo đức cách mạng, đạo đức giải phóng cho con người và tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện. Chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội mới có đạo đức đó. Theo Người: "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa".

- HỒ CHÍ MINH còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam. Việt Nam là nước có chế độ công điền công thổ, có công trình trị thủy sớm gắn kết con người với nhau trong cộng đồng dân tộc. Văn hóa Việt Nam lấy nhân nghĩa làm gốc, có truyền thống khoan dung hoà đồng. Con người Việt Nam có tâm hồn trong sáng, giàu lòng vị tha, yêu thương đồng loại... ĐÓ LÀ NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP RẤT GẮN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

Theo HỒ CHÍ MINH, chủ nghĩa xã hội ra đời chính từ sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân. Dưới sự thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, ở Việt Nam đã xuất hiện một giai cấp mới - giai cấp công nhân, là giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo xã hội trong thời đại ngày nay. Chính sự tàn bạo đó làm nảy sinh ý thức giác ngộ dân tộc, giác ngộ giai cấp và chủ nghĩa xã hội. "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi. Chủ nghĩa xã hội chỉ còn làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi". Và đó cũng là cơ sở để HỒ CHÍ MINH khẳng định: chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á hơn châu Âu.

2. Quan niệm của HỒ CHÍ MINH VỀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

- Chủ nghĩa xã hội là chế độ do nhân dân lao động làm chủ.

- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện

đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

- Chủ nghĩa xã hội là xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức trong đó người với người là bạn, là đồng chí, là anh em. Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, có điều kiện để phát triển toàn diện cá nhân.

- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng và hợp lý, "Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em".

- Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Với những đặc trưng trên thì chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh được khát vọng tha thiết của loài người. Hồ Chí Minh đã khái quát rằng: "xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội".

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội

a. Những mục tiêu cơ bản

- Chế độ chính trị là chế độ nhân dân làm chủ. Muốn vậy phải xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Về kinh tế, phải xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được tạo lập trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Về văn hóa, phải đạt được trình độ cao hơn chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là giải phóng con người khỏi mọi áp bức bóc lột.

- Về quan hệ xã hội, phải xây dựng được xã hội công bằng, dân chủ, xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, giải phóng phụ nữ. "Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa".

b. Về động lực

Động lực của chủ nghĩa xã hội rất phong phú, nhưng xét đến cùng các động lực muốn phát huy được phải thông qua con người. Do đó bao trùm lên tất cả vẫn là động lực con người.

Động lực con người trước hết là phát huy sức mạnh đoàn kết của cả cộng đồng dân tộc. Muốn vậy phải xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng cộng sản lãnh đạo và lấy liên minh công nông và trí thức làm nòng cốt.

- Phát huy sức mạnh con người với tư cách là cá nhân người lao động. Do đó cần phải tìm cách khơi dậy sức mạnh cá nhân mỗi người

+ Phải chú ý hài hòa cả ba lợi ích: cá nhân, tập thể và Nhà nước.

+ Tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người, trong đó lợi ích vật chất và lợi ích chính trị, tinh thần như phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động, thực hiện công bằng xã hội...

- Khắc phục các trở lực kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

- + Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, vì nó là nguyên nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm khác.
- + Chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Đây là "giặc nội xâm".
- + Chống chia rẽ bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật.
- + Chống chủ quan bảo thủ, giáo điều, lười biếng ...

II. TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1 Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đề cập các loại quá độ lên chủ nghĩa xã hội như sau:

- Quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản phát triển lên chủ nghĩa cộng sản. Ở đây chủ nghĩa tư bản đã tạo ra đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội mới.
- Quá độ gián tiếp từ nước tư bản trung bình lên chủ nghĩa xã hội. Ở những nước này, cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản tạo ra chưa đầy đủ nên thời kỳ quá độ là khó khăn, lâu dài và phức tạp.
- Quá độ gián tiếp từ nước tiền tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Điều kiện kinh tế ở đây còn đặc biệt yếu kém nên thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội càng khó khăn và phức tạp hơn nhiều.
- Ở Việt Nam, quá độ lên chủ nghĩa xã hội thuộc loại thứ ba này, cho nên phải trải qua một thời kỳ đầy khó khăn gian khổ và lâu dài so với các nước khác.

2. Quan niệm của HỒ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Về đặc điểm: "đặc điểm to nhất của nước ta là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Điều đó khẳng định rằng, chúng ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ nước tiền tư bản nên có những khó khăn to lớn về nhiều mặt..

- Về nhiệm vụ: phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội; biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành nước công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến.
- Về bước đi: HỒ Chí Minh nhấn mạnh phải dần dần từng bước vững chắc. Bởi vì: "ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ hai bàn tay trắng đi lên".
- Về phương thức, biện pháp: phải có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo. Chống giáo điều, rập khuôn, vì hoàn cảnh nước ta hoàn toàn khác với các nước anh em. Từ năm 1956, HỒ Chí Minh đã nói: "Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... Ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội".

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1 Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-

Lênin và tư tưởng HỒ Chí Minh.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ các nguồn lực, trước hết là nguồn lực nội sinh để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

BÀI 4

TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

I. TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Cơ sở hình thành tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

- Truyền thống cố kết cộng đồng: Do đặc điểm địa lý tự nhiên, Việt Nam luôn phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt để bảo đảm nhu cầu lao động sản xuất, đồng thời luôn phải đấu tranh chống lại những kẻ thù lớn mạnh xung quanh, nên trải qua hàng ngàn năm lịch sử, con người Việt Nam đã hình thành nên truyền thống cố kết cộng đồng và ngày càng được củng cố.

- Sự tổng kết kinh nghiệm cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. HỒ Chí Minh đã chứng kiến phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Khi ra nước ngoài, Người cho rằng các dân tộc phương Đông vốn có sức mạnh nhưng lại đơn độc nên không thể thắng lợi.

- Cơ sở lý luận quan trọng nhất là những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

- Yếu tố chủ quan: HỒ Chí Minh có sức hấp dẫn đặc biệt, có thể thu hút được đông đảo quần chúng quanh mình. Sức hấp dẫn đó chính là chủ nghĩa nhân văn cũng như đạo đức trong sáng của HỒ Chí Minh.

2. Những quan điểm cơ bản của HỒ Chí Minh về đại đoàn kết

- Đại đoàn kết là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng. Với HỒ Chí Minh, đại đoàn kết không phải là thủ đoạn chính trị, không phải là một sách lược nhất thời, bởi vì nó không chỉ là sức mạnh, là sự sống còn của cách mạng, mà nó còn là cơ sở của nhiều mặt khác. HỒ Chí Minh coi nó là điểm "mẹ" "điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt".

- Đại đoàn kết là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng, đó là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng. Đảng có sứ mệnh chuyển những đòi hỏi khách quan đó thành hiện thực.

- Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết toàn dân. Dân trong tư tưởng HỒ Chí Minh là bao gồm mọi con dân nước Việt, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng... , không để sót người Việt Nam yêu nước nào đứng ngoài khối đoàn kết.

- Đại đoàn kết phải được biến thành sức mạnh vật chất, có tổ chức là mặt trận dân tộc thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Quần chúng chỉ có sức mạnh khi họ được tổ chức và lãnh đạo. Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức rộng lớn nhất. Mặt trận muốn có đoàn kết thật sự thì phải lấy liên minh công nông làm nòng cốt do Đảng cộng sản lãnh đạo. Đảng lãnh đạo sẽ bảo đảm cho mặt trận có đường lối chính trị đúng đắn. Đảng lãnh đạo nhưng cũng là một thành viên bình đẳng trong mặt trận, chứ không phải đứng trên hoặc đứng ngoài mặt trận.
- Đại đoàn kết toàn dân nhưng như vậy không có nghĩa là phi giai cấp, mà ngược lại nó vẫn bảo đảm lập trường của giai cấp công nhân. Biểu hiện của lập trường giai cấp công nhân là phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng cộng sản; Lấy liên minh công nhân, nông dân trí thức làm nền tảng; thực hiện hiệp thương dân chủ, lấy lợi ích của dân tộc và của đông đảo nhân dân lao động làm trọng.

II. TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

1. Quá trình nhận thức của HỒ Chí Minh về mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

a. Nhận thức của HỒ Chí Minh về sức mạnh dân tộc

- Từ khi đi tìm đường cứu nước, HỒ Chí Minh đã mang theo nhận thức và niềm tin bất diệt vào sức mạnh dân tộc. ĐÓ là sức mạnh của truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí tự lực tự cường.
- Trong khi xâm lược, thống trị các dân tộc kẻ thù càng tàn bạo, càng hun đúc nên sức mạnh to lớn của dân tộc "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương đang giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến".
- Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước, cần phải phát huy nó theo tinh thần của giai cấp công nhân Phát huy chủ nghĩa dân tộc có nghĩa là phải khơi dậy được sức mạnh to lớn của dân tộc, động viên được mọi tiềm năng non có để giải phóng cho đất nước, đưa cách mạng tiến lên.

b. Nhận thức về sức mạnh thời đại và tính tất yếu của sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Nhận thức bước đầu của HỒ Chí Minh: những người cùng cảnh ngộ, các dân tộc bị áp bức phải đoàn kết với nhau mới có sức mạnh. Các dân tộc bị áp bức không những đoàn kết với nhau, mà còn đoàn kết với vô sản ở chính quốc vì họ đều có chung kẻ thù. Khi tiếp thu được chủ nghĩa Mác-Lênin, HỒ Chí Minh đã nâng cao nhận thức về sức mạnh thời đại: đó là sức mạnh của giai cấp vô sản, cách mạng vô sản và Đảng Cộng sản, là lý luận và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- Phát huy sức mạnh thời đại là phải biết huy động sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc: ĐÓ là sức mạnh

của hệ thống xã hội chủ nghĩa; phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc; phong trào đấu tranh của công nhân và lao động trong các nước đế quốc.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, trở thành một nhân tố của sức mạnh thời đại.

2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

a. *Đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới*

- Năm bắt chính xác xu thế thời đại: Thời đại mà Hồ Chí Minh chứng kiến là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Giai cấp công nhân trở thành giai cấp trung tâm có sứ mệnh lãnh đạo xã hội; phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới. "Do đó mà trước hết xảy ra khả năng và sự cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung".

- Năm vững xu thế thời đại, Hồ Chí Minh đã làm tất cả để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Từ việc vạch mặt chủ nghĩa thực dân, lên án chế độ thuộc địa ở Đông Dương để nhân dân Pháp và thế giới hiểu rõ và đồng tình ủng hộ cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương, đến việc chỉ ra nguyên nhân gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập. Hồ Chí Minh còn tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin và truyền bá vào Việt Nam.

b. *Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản*

- Chủ nghĩa yêu nước ở Hồ Chí Minh là chủ nghĩa yêu nước chân chính: yêu nước mình nhưng không xâm hại đến lợi ích của nước khác, ngược lại còn phải quan tâm giúp đỡ các nước khác. Chủ nghĩa yêu nước chân chính khác với chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa dân tộc vị kỷ sô vanh nước lớn.

- Chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản có sự tương đồng và cần phải kết hợp với nhau: Vì cả hai đều có mục đích và lợi ích giống nhau. Sự kết hợp đó là có lợi cho cả hai.

- Hồ Chí Minh luôn phấn đấu cho sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Theo Người giúp bạn cũng chính là giúp mình.

c. *Giữ vững độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ*

nghĩa, sự ủng hộ của nhân loại tiên bộ, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

- Hồ Chí Minh rất coi trọng sức mạnh trong dân tộc, coi sức mạnh nội sinh là quyết định, cho nên "Tự lực cánh sinh dựa vào sức mình là chính". Hơn nữa muốn tranh thủ được sức mạnh thời đại, còn phải có đường lối độc lập tự chủ.

- Muốn nhận được sự giúp đỡ của bạn bè, chúng ta cũng phải tích cực thực hiện

nghĩa vụ quốc tế của mình. ĐÓ là quan hệ hai chiều, bên cạnh quyền lợi bao giờ cũng phải có nghĩa vụ.

d. Mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị hợp tác, sẵn sàng "ám bạn với tất cả các nước dân chủ "

- Thành tựu được tạo ra trên thế giới là tài sản chung của nhân loại. Chúng ta phải biết kế thừa và tiếp thu tài sản đó mới có thể phát triển nhanh chóng. Muốn vậy phải mở rộng quan hệ hợp tác với các nước.

- Chúng ta sẵn sàng hợp tác với tất cả các nước dân chủ, kể cả những nước đã từng xâm lược Việt Nam, kể cả các nước không cùng chế độ, miễn là bình đẳng và cùng có lợi

- Quan hệ với các nước ở các mức độ khác nhau. Điều này là phụ thuộc vào lợi ích của dân tộc và của cách mạng thế giới.

III. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC KẾT HỢP VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng HỒ Chí Minh

- Những nhân tố khách quan và chủ quan đang thách thức tính bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc.

Vận dụng tinh thần và phương pháp đại đoàn kết HỒ Chí Minh để xây dựng sự đồng thuận xã hội theo Nghị quyết Trung ương 7 khoá IX.

2. Khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế

- Khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, đây là vấn đề quan trọng nhất. Một dân tộc có cường thịnh, có phát triển được hay không trước hết là do nội lực quyết định, phải tự cứu lấy mình. Ở nước ta hiện nay, để khơi dậy nội lực phải chú ý đến trí tuệ con người Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế cũng là quan trọng. Ngày nay trong xu thế hội nhập, chúng ta đã chú ý đến ưu hợp tác quốc tế nhưng hiệu quả chưa cao. Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức tự giác, lòng tự tôn dân tộc của cán bộ, chúng ta có cơ chế chính sách chặt chẽ rõ ràng.

BÀI 5

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

I. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1 Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi

- Đảng giữ vai trò cầm lái trên con thuyền cách mạng Việt Nam: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng quần chúng muốn có sức mạnh phải được tổ chức, giác ngộ, lãnh đạo theo một đường lối đúng đắn. ĐÓ là vai trò của Đảng Cộng sản "Để trong thì vận động và tổ chức quần chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi".

- Đảng giữ được vai trò cầm lái vì:

- + Đảng là bao gồm những người ưu tú nhất của giai cấp và dân tộc.
- + Đảng có lý luận Mác-Lênin là lý luận tiên phong nhất soi đường.
- + Đảng có khả năng đoàn kết các lực lượng trong và ngoài nước.
- + Đảng trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc. "Ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác".

2. Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam

- Sự ra đời của các Đảng Cộng sản có điểm chung là có sự kết hợp của chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân. Sự kết hợp đó tạo cơ sở vững chắc cho cả hai. Chủ nghĩa Mác-Lênin còn khẳng định trong mỗi nước khác nhau, sự kết hợp ấy là sản phẩm của lịch sử, được thực hiện bằng con đường đặc biệt tùy theo điều kiện cụ thể.

- Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đây là sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh. Cơ sở của quan điểm này là:

- + Phong trào yêu nước Việt Nam là phong trào rộng lớn, lôi cuốn được tất cả các lực lượng trong xã hội và đã có truyền thống lâu đời. Tuy nhiên phong trào yêu nước Việt Nam đang trong tình trạng khủng hoảng bế tắc.
- + Phong trào công nhân Việt Nam có mục đích, lợi ích thống nhất và gắn gũi với phong trào yêu nước cho nên nó có thể kết hợp với phong trào yêu nước để tăng cường sức mạnh. Tuy nhiên, nó cũng đang cần có lý luận soi đường.

+ Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin khi được truyền bá vào Việt Nam sẽ nhanh chóng kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Sự kết hợp này đã tạo cơ sở vững chắc cho cả ba.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam

- Điều này muốn khẳng định rằng Đảng cộng sản Việt Nam không chỉ đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn đại biểu cho lợi ích chung của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân và mọi người dân Việt Nam đều coi Đảng là của mình, là niềm tự hào của mình.

Khi nói Đảng của dân tộc nhưng Hồ Chí Minh luôn khẳng định: Bản chất giai cấp của Đảng là giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam biểu hiện:

+ Nền tảng tư tưởng của Đảng là lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin với lý tưởng đi lên chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

+ Đảng được xây dựng theo Đảng kiểu mới của Lênin. Nhấn mạnh bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhưng không hề làm cho Đảng ta phai mờ tính chất dân tộc, mà ngược lại càng tăng thêm tính dân tộc của Đảng, vì lợi ích của Đảng là phù hợp với lợi ích chung của toàn dân tộc.

- Đảng muốn vững phải bám chắc vào dân tộc và ngược lại dân tộc muốn phát triển nhanh chóng phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

4. Đảng Cộng sản phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "làm cốt"

- Bất cứ Đảng nào cũng cần phải có lý luận để dẫn đường Đảng phải được trang bị lý luận tiên phong mới hoàn thành được trách nhiệm tiên phong. Đảng Cộng sản Việt Nam phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "làm cốt", bởi vì đó là lý luận tiên phong nhất ngày nay. ĐÓ là học thuyết về sự giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức; nó cũng là học thuyết về sự phát triển xã hội lên chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn thấp của nó là chủ nghĩa xã hội- xã hội tốt đẹp nhất ngày nay. Theo Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay "chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác-Lênin".

- Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "làm cốt" không phải coi nó như Kinh Thánh mà phải vận dụng sáng tạo, tức là phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của nó để vận dụng phù hợp vào những hoàn cảnh cụ thể, không giáo điều rập khuôn. Sức sống của chủ nghĩa Mác-Lênin thể hiện ở tính cách mạng và khoa học của nó; là học thuyết mở, phải luôn được bổ sung và phát triển trong những điều kiện mới và hoàn cảnh mới.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng theo những nguyên tắc của Đảng

kiểu mới

- Đảng kiểu mới ra đời trong điều kiện của Quốc tế Cộng sản thay thế các Đảng cơ hội của Quốc tế II. Đảng kiểu mới được xây dựng trên những nguyên tắc sau:
- *Nguyên tắc tập trung dân chủ*: đây là nguyên tắc cơ bản nhất, trong đó dân chủ phải đi đôi với tập trung, dân chủ để đi đến tập trung và tập trung phải trên cơ sở dân chủ. Nếu dân chủ thiếu tập trung sẽ dẫn đến sự tùy tiện vô tổ chức. Ngược lại nếu tập trung mà thiếu dân chủ sẽ dẫn đến độc đoán chuyên quyền.
- *Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*: tập thể lãnh đạo sẽ thấy được mọi mặt, mọi vấn đề. Có trí tuệ tập thể sẽ đúng đắn và sáng suốt hơn. Còn cá nhân phụ trách để tránh sự dựa dẫm ỷ lại, nhờ đó mà công việc chạy hơn.
- *Nguyên tắc tự phê bình và phê bình*: tự phê bình là nhu cầu tự rèn luyện để bảo đảm tiến bộ thường xuyên. Nó giống như việc tự rửa mặt hàng ngày. Tuy nhiên cũng có thiếu sót khuyết điểm bản thân không nhận ra. Cho nên cần phải có người phê bình để giúp mình sửa chữa tốt hơn. Mặt khác phải tự phê bình nghiêm túc thì phê bình người khác mới có hiệu quả. Hồ Chí Minh yêu cầu phê bình và tự phê bình phải chân thành, trung thực, "phải trên tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Tránh tình trạng ể nang, che giấu khuyết điểm hoặc lợi dụng phê bình để vuï dập, nói xấu người khác.
- *Kỷ luật nghiêm minh và tự giác*: nếu việc vào Đảng là hoàn toàn tự nguyện thì kỷ luật Đảng cũng như vậy. "Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng".
- *Đoàn kết thống nhất trong Đảng*: phải đoàn kết thống nhất thì Đảng mới có sức mạnh; chỉ xây dựng được sự đoàn kết thống nhất trong Đảng thì mới xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

6. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Đảng phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân

- Là người lãnh đạo, nghĩa là Đảng phải có đủ đức và tài, phải luôn là lực lượng tiên phong mới lãnh đạo được xã hội.
- Đảng là đầy tớ nghĩa là phải trung thành với lợi ích của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.
- Phải củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân. Mối quan hệ này là vì sự sống còn của cả hai phía: Đảng cần dân để có lực lượng, có sức mạnh; dân cần Đảng để có người tổ chức, người dẫn đường; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng quần chúng muốn có sức mạnh phải có Đảng lãnh đạo.

7. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới

- Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là công việc thường xuyên. Sở dĩ phải thường xuyên xây dựng chỉnh đốn Đảng là vì trong Đảng cũng có một bộ phận đảng viên chưa thực sự theo kịp với trình độ chung, lập trường tư tưởng chưa kiên định. Chỉnh đốn Đảng nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch vững mạnh về mọi mặt, làm cho đội ngũ cán

bộ đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chính đốn Đảng thường đặt ra khi cách mạng gặp khó khăn hoặc khi cách mạng đang trên đà thắng lợi, hoặc khi đã hoàn thành một chặng đường, một nhiệm vụ nào đó. ĐÓ là thời điểm cách mạng dễ làm cho tư tưởng tâm lý của một số đảng viên, cán bộ có những thay đổi. Chính đốn đổi mới là để động việc cổ vũ cái tích cực và kịp thời ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN.

1. Tư tưởng về một nhà nước của dân, do dân và vì dân

- "Nhà nước của dân" là tất cả quyền hành trong Nhà nước là thuộc về nhân dân, do nhân dân quyết định. Nhất là những việc liên quan đến vận mệnh quốc gia, đến những vấn đề lớn của dân tộc.

Quyền của nhân dân thể hiện thông qua đại biểu do họ cử ra, nhưng để chống lại sự tiếm quyền, họ cũng có quyền bãi miễn.

- "Nhà nước do dân" là bộ máy nhà nước phải do dân lựa chọn và bầu ra; nhà nước đó được nhân dân ủng hộ, nuôi dưỡng; nhà nước đó cũng do nhân dân kiểm soát, phê bình và giúp đỡ.

- "Nhà nước vì dân" là nhà nước đó phải phục vụ cho lợi ích và nguyện vọng của nhân dân; cán bộ ở đó không có đặc quyền đặc lợi mà phải thực sự trong sạch và là "công bộc" của dân.

- "Vì dân" có liên quan mật thiết với "của dân" và "do dân". Chỉ có thực hiện Nhà nước của dân, do dân thì mới thực hiện được vì dân

2. Tư tưởng về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

- Nhà nước bao giờ cũng mang bản chất giai cấp, phải phục vụ cho lợi ích của một giai cấp nhất định. Nhà nước mà Hồ Chí Minh xây dựng mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp đó biểu hiện: Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Nhà nước lấy liên minh công nông và trí thức làm nòng cốt và Nhà nước hướng tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta không làm triệt tiêu tính nhân dân và tính dân tộc. Ngược lại nó còn mang tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Bởi vì, lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Sự thống nhất đó biểu hiện ở chỗ nhân dân ta đã hy sinh xương máu để xây dựng nên Nhà nước đó. Nhà nước đó lại bảo vệ lợi ích của nhân dân, luôn lấy lợi ích của cả dân tộc làm trọng.

3. Tư tưởng về một nhà nước pháp quyền, có hiệu lực pháp lý mạnh

- Nhà nước phải phù hợp với ý chí, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, do quần chúng nhân dân lập ra. Ở nước ta chỉ sau ngày giành độc lập 4 tháng, chúng ta đã thực hiện tổng tuyển cử để dân bầu ra Nhà nước của mình.

- Nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật. Trong một nhà nước dân chủ thì dân chủ và pháp luật phải luôn đi đôi với nhau. Không thể có dân chủ ngoài pháp luật. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế bằng hiến pháp và pháp luật. Ngược lại hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho quyền tự do dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

Phải đưa pháp luật vào đời sống, tạo ra cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành. Phải tuyên truyền giáo dục để mọi người tự giác thực hiện. Phải nâng cao dân trí, ý thức làm chủ của nhân dân. Phải xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật, có đủ cả đức và tài

4. Tư tưởng về xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả

Để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả cần coi trọng hai biện pháp sau:

- Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức Đạo đức cao nhất ở Hồ Chí Minh là "Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc". Đi đôi với giáo dục đạo đức phải coi trọng pháp luật. Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật phải nghiêm minh, "phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì".

- Kiên quyết chống ba thứ giặc nội xâm là: tham ô, lãng phí, quan liêu. Sức mạnh, hiệu quả của Nhà nước, một mặt dựa vào tính nghiêm minh của việc thi hành pháp luật, mặt khác dựa vào sự gương mẫu, sự trong sạch về đạo đức của người cầm quyền. Tham ô, lãng phí, quan liêu là sự vi phạm về mặt đạo đức và như vậy sẽ làm suy yếu sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước, phá hoại niềm tin của nhân dân, tất yếu dẫn đến sự đổ vỡ không lường hết được.

"Tham ô lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến.. Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính ... tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi việt gian, mật thám."

III. XÂY DỰNG ĐẢNG VỮNG MẠNH, LÀM TRONG SẠCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THEO TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh

1. Xây dựng Đảng ta hiện nay, cần phải tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tích cực đổi mới chính đốn Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Xây dựng Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Phải kết hợp việc thực hiện pháp luật với vấn đề giáo dục đạo đức. Chống tham nhũng, quan

liêu, xây dựng đội ngũ cán bộ hết lòng phục vụ nhân dân.

BÀI 6

TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN VÀ VĂN HÓA

I. TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Vị trí của đạo đức trong tư tưởng HỒ Chí Minh

- HỒ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề đạo đức. Người đã nói đến rất sớm và nhất quán trong quá trình cách mạng. HỒ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng, "cũng như sông phải có nguồn, cây phải có gốc. Không có nguồn thì sông cạn, không có gốc thì cây héo", bởi vì:

- CÓ đạo đức mới tập hợp được mọi người, nói người khác mới nghe. Nếu không có đạo đức cách mạng làm gốc thì không thể lãnh đạo được cách mạng.

- CÓ đạo đức mới phát huy được cái tài, sẽ làm cho cái tài nảy sinh và phát triển. Người có đạo đức thì bao giờ cũng cố gắng rèn luyện, khiêm tốn học tập nâng cao trình độ năng lực của mình để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

2. Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới

- *Trung với nước, hiếu với dân:*

+ Đây là phẩm chất quan trọng nhất, chi phối nhiều đến các phẩm chất khác. Tư tưởng "trung hiếu" có từ lâu đời, nhưng dưới thời phong kiến, trung hiếu thường chỉ giới hạn

trong phạm vi hẹp, chỉ là trung với vua và hiếu với cha mẹ.

+ Còn ở HỒ Chí Minh, đó là bốn phận và trách nhiệm của mỗi người đối với TỔ QUỐC và nhân dân. Phải suốt đời trung thành với Đảng, với TỔ QUỐC, hết lòng phục vụ nhân dân. Tư tưởng hiếu với dân ở đây không còn dừng lại ở chỗ thương dân mà ta với tính chất là đối tượng phải phục vụ hết lòng. Vì vậy phải gần dân, gần bó với dân, kính trọng và học tập dân, phải lấy dân làm gốc.

- *Yêu thương con người:*

+ Yêu thương con người ở HỒ Chí Minh vừa bao la rộng lớn vừa rất gần gũi với số phận mỗi con người, hướng tới con người cụ thể, luôn hành động để đem lại hạnh phúc cho con người

Yêu thương con người thể hiện trong mối quan hệ với bạn bè đồng chí, với nhân dân. NÓ đòi hỏi sự nghiêm khắc với chính mình, rộng rãi độ lượng với người khác; phải tôn trọng con người, biết cách nâng con người lên chứ không hạ thấp, càng không thể miệt thị vùi dập con người. Cho nên tình thương đó dành cho cả những người có sai lầm khuyết điểm nhưng đã nhận ra và sửa chữa, cả người lầm đường lạc lối biết hối cải, cả kẻ thù đã bị thương, bị bắt hoặc qui hàng. Chính tình yêu thương đó đã

đánh thức những gì tốt đẹp mà HỒ Chí Minh tin rằng trong mỗi người đều có, tuy nhiều ít khác nhau.

"Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác. Nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ." Yêu thương con người ở HỒ Chí Minh không phải là phi giai cấp, mà vẫn theo lập trường của giai cấp công nhân. Tình yêu đó không thể giành cho bọn bóc lột tàn ác. HỒ Chí Minh phân biệt rõ "Trên thế giới chỉ có hai hạng người: bóc lột và bị bóc lột".

- *Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.*

+ Đây là phẩm chất gắn liền với hoạt động hàng ngày của mọi người. Vì vậy HỒ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất và thường xuyên nhất.

+ Cần tức là lao động cần cù siêng năng, tự giác, sáng tạo

+ Kiệm tức là tiết kiệm, về mọi mặt: về lao động, thời gian, tiền của... , không phô trương hình thức, chèn chén lu bù.

+ Liêm tức là liêm khiết, trong sạch, không tham lam, "không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng, không ham người tâng bốc mình..."

+ Chính tức là chính trực với bản thân và với người khác. Với mình thì không tự cao tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, với người không nịnh hót kẻ trên, xem thường kẻ dưới, không dối trá lừa lọc.

+ Chí công vô tư là đặt lợi ích công lên trên lợi ích cá nhân. NÓ đối lập với chủ nghĩa cá nhân, mà chủ nghĩa cá nhân là một thứ giặc nội xâm rất nguy hiểm, nếu không vượt qua được thì bất cứ ai cũng có thể sa vào những hành vi vô đạo đức

-*Tinh thần quốc tế trong sáng:*

Tinh thần quốc tế là bắt nguồn từ bản chất quốc tế của giai cấp công nhân và từ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Sự trong sáng ở đây là sự vô tư, vì sự tiến bộ chung của cách mạng thế giới mà không cần một điều kiện nào kèm theo cả. Nếu tinh thần quốc tế không trong sáng thì có thể dẫn đến chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, vị kỷ hoặc chủ nghĩa bá quyền bành trướng. Tất cả những khuynh hướng lệch lạc đó có thể dẫn đến phá vỡ một quốc gia dân tộc, phá vỡ tình đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung hoặc đi đến đối đầu, đối địch.

3. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

Phải rèn luyện tu dưỡng bền bỉ suốt đời:

Mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, phải kiên trì bền bỉ suốt đời không thể chủ quan, tự mãn. Bởi vì đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. NÓ do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong". HỒ Chí Minh cho rằng, đã là người thì ai cũng có chỗ hay chỗ dở, chỗ xấu chỗ tốt, ai cũng có thiện và ác ở trong bản thân mình. Vấn đề là giám nhìn thẳng vào mình, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy, đồng thời phải thấy rõ cái dở, cái

xấu, cái ác để khắc phục. Để thắng được cái xấu cái ác và củng cố được cái tốt, cái thiện là cả một quá trình đấu tranh gian khổ.

Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức:

Nói phải đi đôi với làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực, mới giữ được lòng tin với người khác, nếu nói nhiều làm ít, nói mà không làm, hơn nữa nói một đằng làm một nẻo thì chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng. Không lĩnh vực nào mà vấn đề nêu gương lại được đặt ra như trong lĩnh vực đạo đức. Trong gia đình có tấm gương bố mẹ đối với con cái. Trong nhà trường có tấm gương của thầy cô giáo đối với học sinh. Trong Đảng và Nhà nước có tấm gương của người lãnh đạo... Hồ Chí Minh thực sự là một tấm gương trong sáng tuyệt vời của một cuộc đời trọn vẹn. Đối với cán bộ đảng viên càng phải gương mẫu để quần chúng noi theo. "Đảng viên đi trước làng nước theo sau".

Trong xã hội, tấm gương của thế hệ trước đối với thế hệ sau là đặc biệt quan trọng. Tấm gương các thế hệ để lại gọi là truyền thống. ĐÓ cũng là cơ sở quan trọng để hình thành đạo đức xã hội.

Xây đi đôi với chống:

Trong đời sống hàng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, đạo đức - vô đạo đức vẫn thường đan xen nhau, đối chọi nhau thông qua hành vi của những con người khác nhau. Hơn nữa những đan xen đối chọi ấy còn diễn ra ngay trong bản thân mỗi người. Cho nên xây phải đi đôi với chống.

Xây dựng đạo đức mới phải kết hợp giáo dục với tự giáo dục, làm sao khơi dậy sự tự giác của mỗi người, nhằm đấu tranh loại bỏ cái thấp hèn để vươn tới cái cao đẹp, loại bỏ cái ác, cái vô đạo đức để vươn tới cái thiện, cái đạo đức.

Phải chống tất cả những gì đi ngược hoặc cản trở đạo đức mới. Theo Hồ Chí Minh, cần phải tập trung chống ba loại là tham ô, lãng phí và quan liêu. Chúng là "giặc nội xâm".

Quan hệ giữa xây và chống ở đây giống như quan hệ giữa trồng lúa và diệt cỏ dại. Lúa thì phải chăm bón khó nhọc thì mới tốt được. Còn cỏ dại thì không cần chăm bón cũng mọc lu bù.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÂN VĂN.

Tư tưởng nhân văn là tư tưởng đề cập đến số phận con người, phản ánh tâm tư nguyện vọng của con người muốn được giải tỏa khỏi những bế tắc trong cuộc sống, khỏi những ràng buộc của tự nhiên, xã hội và con người. Trước kia khi tư tưởng nhân văn thường chỉ dừng lại ở ước mơ, ảo tưởng, vì nó chưa đủ những điều kiện kinh tế, xã hội để thực hiện. Chỉ đến khi học thuyết Mác-Lênin ra đời thì những nguyện vọng chân chính của con người mới có thể biến thành hiện thực. Bởi vì, tính nhân văn cao cả của chủ nghĩa Mác-Lênin đã có cơ sở để thực hiện. Hơn nữa các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin còn đề ra cách thức biện pháp khoa học để biến nó thành hiện thực. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân văn có thể thấy ở những điểm chính sau.

1 Con người là vốn quý nhất

Con người mà HỒ Chí Minh đề cập đến, theo "Nghĩa hẹp là gia đình, anh em họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn nữa là cả loài người".

- HỒ Chí Minh coi con người là vốn quý thể hiện:

+ CÓ lòng thương yêu vô hạn đối với con người, thông cảm sâu sắc với nỗi đau của con người.

+ CÓ niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, phẩm giá, khả năng vươn lên chân thiện mỹ của con người, dù nhất thời họ còn thấp bé lầm lạc.

+ CÓ ý chí đấu tranh để giải phóng con người, đem lại tự do hạnh phúc cho con người. "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

2. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

- Làm cách mạng không có mục tiêu nào khác là hướng tới giải phóng con người, mang lại hạnh phúc ấm no thực sự cho con người. "Tất cả những việc Đảng và chính phủ đề ra đều nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân. Làm gì mà không nhằm mục đích ấy là không đúng."

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. ĐÓ là nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. CÓ điều đặt ra là quần chúng nhân dân ở thuộc địa là lớp người tận cùng của xã hội, bị coi là mù chữ dốt nát, bần cùng, phân tán, rời rạc ... có thể làm được cách mạng hay không?

HỒ Chí Minh có niềm tin mãnh liệt vào quần chúng nhân dân ở thuộc địa và tin rằng họ có khả năng tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp. "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến." Lòng tin đó bắt nguồn từ truyền thống yêu nước quật cường của dân tộc, lại được đặt trên tầm cao của sự phát hiện và khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân đã tìm được sức mạnh ở dân tộc. Ngược lại dân tộc lại tìm thấy ở giai cấp công nhân người dẫn đường đúng đắn cho mình.

3. Trồng người là chiến lược hàng đầu của cách mạng

"Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa".

Nói trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa, không phải là con người đó đã là xã hội chủ nghĩa đầy đủ vì không thể có con người như vậy trong xã hội cũ. Con người xã hội chủ nghĩa ở đây cũng mới chỉ có những nét tiêu biểu của con người xã hội chủ nghĩa. Họ sẽ là người đi tiên phong lôi cuốn xã hội đi theo. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là quá trình hoàn thiện dần con người xã hội chủ nghĩa.

Tiêu chuẩn của con người xã hội chủ nghĩa là có tư tưởng xã hội chủ nghĩa "mình vì mọi người và mọi người vì mình", có ý thức và năng lực làm chủ, có đạo đức và lối

sống xã hội chủ nghĩa, lao động có kỷ luật, kỹ thuật...

- "Vì lợi ích trăm năm phải trồng người". Trồng người là vì lợi ích lâu dài của cách mạng. ĐÓ là vấn đề chiến lược hàng đầu để đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng ngày càng vững chắc. Trồng người phải tiến hành thường xuyên, suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội, suốt cuộc đời con người. Phải chú ý lớp trẻ và giáo dục đào tạo toàn diện cả đức, trí, thể, mỹ.

III. TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh VỀ VĂN HÓA.

1. Quan điểm chung của HỒ Chí Minh về văn hóa

- Văn hóa theo nghĩa rộng là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời cũng là mục đích cuộc sống của loài người. Theo nghĩa hẹp, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc lĩnh vực kiến trúc thượng tầng. Văn hóa bao giờ cũng mang tính giai cấp. Tức là nó phải phục vụ cho lợi ích của giai cấp nhất định. Ở nước ta, nó phải phục vụ lợi ích giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, văn hóa nước ta có ba tính chất là dân tộc, khoa học và đại chúng.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa thì nó là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Từ Đại hội VII (1991) Đảng ta xác định "là nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc".

- Văn hóa có ba chức năng chính như sau:

+ Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp, loại bỏ cái sai lầm, xấu xa và thấp hèn của 'mỗi con người'. Tư tưởng lớn của một Đảng, một dân tộc hội tụ thành lý tưởng. Lý tưởng của Đảng ta là lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, của dân tộc ta là "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh". Chức năng của văn hóa là phải làm thế nào cho ai cũng hết lòng hết sức vì lý tưởng đó.

+ Nâng cao dân trí tức là trình độ hiểu biết, trình độ kiến thức của người dân.

+ Bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người và hướng con người tới chân, thiện, mỹ.

2. Tư tưởng HỒ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

a. Văn hóa giáo dục

- Mục tiêu của văn hóa giáo dục là thực hiện ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục, tức là dạy và học là để mở mang dân trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn tình cảm cao đẹp, những phẩm chất trong sáng, lành mạnh của nhân dân.

- Phải tiến hành cải cách giáo dục cho phù hợp với những bước phát triển của nước ta, gắn nội dung giáo dục với thực tiễn Việt Nam, học đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế.

- Học ở mọi lúc mọi nơi, học mọi người, học suốt đời, coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

- Không ngừng nâng cao trình độ học vấn, văn hoá cho cán bộ đảng viên. Bởi vì Đảng ta là Đảng của trí tuệ, của văn minh.

b. Văn hóa văn nghệ

- Văn nghệ là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hóa, là đỉnh cao của đời sống tinh thần. Hồ Chí Minh cho rằng văn nghệ là mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh cách mạng.

- Văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân. Đó là đời sống lao động sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt và xây dựng cuộc sống mới. Văn nghệ vừa phản ánh thực tiễn ấy, vừa hướng cho nhân dân thúc đẩy sự phát triển của thực tiễn ấy theo quy luật của cái đẹp.

- Văn nghệ phát triển sao cho xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc, phải phản ánh cho hay, cho chân thật sự nghiệp cách mạng của nhân dân; phải phục vụ cho quần chúng đông đảo, được quần chúng yêu thích, đem lại những chuyển biến tích cực trong tư tưởng tình cảm, tâm hồn của mọi người.

c Văn hóa đời sống

Văn hóa trong đời sống mới bao gồm: đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới.

- Đạo đức mới (bài về đạo đức). Lối sống mới bao gồm phong cách sống và phong cách làm việc.

+ Phong cách sống là sống thế nào cho nó phù hợp. "Người ta ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn hưởng ăn ngon mặc đẹp, như vậy là không có đạo đức."

+ Phong cách làm việc bao gồm tác phong quần chúng, tác phong tập thể, dân chủ, tác phong khoa học.

- Nếp sống mới là lối sống mới đã trở thành thói quen ở mỗi người, thành phong tục tập quán của cả cộng đồng. Xây dựng nếp sống mới phải kế thừa và phát triển những truyền thống tốt đẹp, đồng thời phải cải tạo những tập quán cũ lạc hậu. Xây dựng nếp sống mới không chỉ tuyên truyền giáo dục, mà điều quan trọng là phải nêu gương.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA HỒ Chí Minh VÀO VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI VIỆT NAM

1. Thực trạng con người mới Việt Nam hiện nay.

- Đất nước ta đã giành được độc lập tự do từ sau cách mạng tháng Tám và đã tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội từ nhiều năm nay. Con người Việt Nam mới đã được xây dựng và từng bước hình thành theo sự phát triển của đất nước. Đời sống nhân dân được cải thiện và tiến bộ hàng ngày.

- Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới của sự phát triển, con người Việt Nam mới vẫn phải tiếp tục được hoàn thiện và nâng cao về mọi mặt. Do chúng ta từ sản xuất nhỏ đi lên, cho nên tư tưởng thói quen, cách nghĩ cách làm của những người sản xuất nhỏ vẫn còn nặng nề, chủ nghĩa cá nhân vẫn là vấn đề nan giải. Vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay như Đại hội IX của Đảng đã nêu là : "Tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ' phận không nhỏ cán bộ đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân

2. Xây dựng con người Việt Nam mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Về tư tưởng đạo đức, lối sống

- Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên xoá cái nhục đói nghèo, lạc hậu.

- Giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm, danh dự.

- Xây dựng nếp sống giản dị, ít lòng tham muốn về vật chất.

b. Về nhân văn

Bồi dưỡng tinh thần nhân ái, khoan dung...

c Về văn hóa.

Tạo thói quen tự học, tự vươn lên tự hoàn thiện. Kế thừa, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập với thế giới.

BÀI 7

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

I. NHỮNG ĐIỂM CHỦ YẾU TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KINH TẾ

1. Phát triển kinh tế là để nâng cao đời sống nhân dân. Quan hệ giữa phát triển kinh tế và nâng cao đời

sống nhân dân như nước với thuyền.

- Mục đích của mọi đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta là để nâng cao đời sống nhân dân.

- Tư tưởng phát triển kinh tế ở Hồ Chí Minh bao giờ cũng mang tính giai cấp, nghĩa là phải theo lập trường giai cấp công nhân, phục vụ cho lợi ích giai cấp công nhân. Vì lợi ích giai cấp công nhân là phù hợp với lợi ích toàn dân tộc và lợi ích của toàn thể

nhân dân lao động, cho nên nó phải phục vụ cho lợi ích của nhân dân lao động. Nâng cao đời sống nhân dân là mục tiêu và cũng là thước đo tính đúng đắn của mọi chủ trương đường lối.

- Giữa sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân có mối quan hệ biện chứng tác động thúc đẩy lẫn nhau.

Sản xuất phát triển mới có nhiều của cải vật chất để nâng cao đời sống nhân dân. Ngược lại đời sống được cải thiện mới động viên, khuyến khích nhân dân tích cực sản xuất

- Nâng cao đời sống phải căn cứ vào điều kiện kinh tế hiện có và bảo đảm sự công bằng xã hội.

- Căn cứ vào điều kiện kinh tế hiện có nghĩa là kinh tế có đến đâu thì nâng cao đời sống đến đó, chứ không thể vay nước ngoài để cải thiện. Ở nước ta chính sách kinh tế trước hết phải bảo đảm nhu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân về ăn mặc, ở, đi lại, sau đó mới tính đến những mục tiêu cao hơn.

- Phải tính đến đời sống của các tầng lớp nhân dân khác nhau trong xã hội, "Làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người giàu thì giàu thêm".

2. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta

- Cơ sở tồn tại của các thành phần kinh tế:

Nền kinh tế nước ta vẫn là nền sản xuất nhỏ. Trong nền kinh tế đó vẫn tồn tại cơ sở kinh tế - xã hội để phát triển nhiều thành phần kinh tế. Phát triển nhiều thành phần kinh tế làm tăng cường lực lượng sản xuất, tăng sản phẩm cho xã hội, tạo việc làm và cải thiện đời sống nhân dân. Hơn nữa thành phần kinh tế chủ đạo là thành phần kinh tế nhà nước mới ra đời, còn non yếu nên rất cần có sự phối hợp của các thành phần kinh tế khác để đảm bảo quá trình tái sản xuất xã hội phát triển.

- Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta:

+ Trong thời kỳ kháng chiến, Hồ Chí Minh cho rằng, ở nước ta vẫn tồn tại sáu thành phần kinh tế. Đó là kinh tế địa chủ phong kiến bóc lột địa tô đã lỗi thời lạc hậu nhưng vẫn phải được duy trì để thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc phục vụ cho cuộc kháng chiến; thành phần kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa, có vai trò chủ đạo; thành phần kinh tế hợp tác xã; thành phần kinh tế cá nhân của người sản xuất nhỏ cá thể tự túc tự cấp; thành phần kinh tế tư bản tư nhân và thành phần kinh tế tư bản quốc gia.

- Nhận xét về chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế lúc đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: công tư đều có lợi, chủ thợ đều có lợi; công nông giúp nhau và lưu thông trong ngoài.

+ Trong thời kỳ xây dựng chế độ dân chủ mới, nước ta còn năm thành phần kinh tế, thành phần kinh tế địa chủ phong kiến ngày càng mất dần vị trí và bị thủ tiêu trong xã hội. Năm thành phần kinh tế được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- * Kinh tế quốc doanh;
- * Hợp tác xã;
- * Kinh tế của cá nhân nông dân và thợ thủ công;
- * Tư bản của tư nhân;
- * Tư bản của Nhà nước;

- Trong năm loại ấy, kinh tế quốc doanh là kinh tế chủ đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế nước ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản.

- Ở đây các thành phần kinh tế có thể thay đổi, chuyển hoá cho nhau tùy theo tình hình mỗi lúc mỗi nơi, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của ai. Con người chỉ có thể nhận thức xu thế khách quan của nó và tác động cho nó đi đúng hướng.

- Tư tưởng phát triển nhiều thành phần kinh tế của Hồ Chí Minh không chỉ đáp ứng kịp thời cho cuộc kháng chiến, bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc, mà còn là tư tưởng chiến lược về xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đất nước, tư tưởng xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần của Hồ Chí Minh vẫn là tư tưởng chỉ đạo rất quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3. Xây dựng cơ cấu ngành kinh tế ở một nước nông nghiệp lạc hậu

- Bất cứ nền kinh tế nào cũng cần có cơ cấu ngành phù hợp. Chọn cơ cấu ngành thế nào là phụ thuộc vào trình độ của người lãnh đạo. Nếu xác định được cơ cấu ngành phù hợp thì các ngành kinh tế mới tác động thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển.

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về lựa chọn cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta:

+ Nông nghiệp được coi là ngành kinh tế quan trọng nhất vì nước ta từ sản xuất nhỏ đi lên, vai trò của nông nghiệp ở nước ta là rất lớn. Nó bảo đảm nguồn sống cho con người, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến, cung cấp hàng nông sản xuất khẩu, cung cấp thị trường cho công nghiệp... , vì vậy Người từng nói, "nông dân ta giàu thì nước ta giàu, nông dân ta thịnh thì nước ta thịnh."

+ Phát triển nông nghiệp ở nước ta phải trong mối liên hệ với các ngành kinh tế khác, trong đó. quan hệ với công nghiệp là quan trọng nhất. Hai ngành này có mối quan hệ biện chứng, tác động thúc đẩy lẫn nhau. Nông nghiệp thì cung cấp lương thực thực phẩm cho công nhân, nguyên vật liệu cho nhà máy, thị trường tiêu thụ cho công nghiệp. Ngược lại công nghiệp lại cung cấp hàng tiêu dùng cho nông dân, cung cấp máy bơm nước, phân hoá học, thuốc trừ sâu để đẩy mạnh nông nghiệp. Tăng cường mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng là tăng cường khối liên minh công nông ở nước ta..

+ Để thúc đẩy quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp thì thương nghiệp lại giữ vai trò quan trọng, "thương nghiệp đưa hàng đến nông thôn phục vụ nông dân,

thương nghiệp lại đưa nông sản, nguyên liệu cho thành thị tiêu dùng. Nếu khâu thương nghiệp bị đứt thì không liên kết được nông nghiệp với công nghiệp, không củng cố được liên minh công nông".

- Nhờ có sự lựa chọn cơ cấu ngành kinh tế hợp lý như trên nên chúng ta đã xây dựng được nền kinh tế kháng chiến, bảo đảm cho hai cuộc kháng chiến thắng lợi, đưa đất nước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, do chủ quan nóng vội, chúng ta đã vội vàng tập trung cho công nghiệp nặng mà ít quan tâm đến nông nghiệp, nên chúng ta đã phải trả giá. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta đã thực sự trở lại tư tưởng coi trọng nông nghiệp của Hồ Chí Minh thì nền kinh tế xã hội nước ta mới có những chuyển biến to lớn. Ngày nay sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngày càng mở rộng, chúng ta cũng không quên ưu tiên cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Như vậy vấn đề phân tích đánh giá tình hình cụ thể để lựa chọn được một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý là điều kiện rất quan trọng để bảo đảm cho sự phát triển thuận lợi của đất nước.

4. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với tăng cường hợp tác quốc tế

- Muốn có độc lập thật sự về chính trị, phải có độc lập về kinh tế. Ngược lại độc lập về kinh tế là điều kiện, là cơ sở để bảo đảm độc lập về chính trị. Ở nước ta theo Hồ Chí Minh, khi đánh đổ đế quốc giành được độc lập về chính trị thì phải thủ tiêu mọi đặc quyền đặc lợi về kinh tế của bọn thực dân phong kiến. Đồng thời với quá trình đó, chúng ta phải tích cực xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Đó là quy luật tất yếu để giữ vững độc lập về lãnh thổ, làm cơ sở cho việc giữ vững độc lập về chính trị.

- Tuy nhiên độc lập tự chủ về kinh tế không có nghĩa là đóng cửa khép kín, mà ngược lại, cần phải tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển sản xuất. Nhất là trong điều kiện ngày nay, khi mà cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang phát triển như vũ bão, vấn đề hội nhập và hợp tác đang là xu thế của thời đại.

- Hồ Chí Minh đã nhận thức rất sớm sức mạnh của sự hợp tác quốc tế. Người cho rằng: "Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự đơn độc. Cho nên Việt Nam cần phải tăng cường hợp tác quốc tế ĐÓ là yêu cầu khách quan của sự phát triển nền kinh tế - xã hội Việt Nam.

+ Việt Nam cần hợp tác để trao đổi với các nước. Chúng ta cần nhiều dụng cụ, máy móc và hàng hoá của các nước, và chúng ta có thể cung cấp cho những nước ấy lương thực, cây công nghiệp và khoáng sản.

+ Việt Nam cần hợp tác để khai thác "kỹ nghệ" của các nước. Đất nước ta còn nghèo nàn lạc hậu, trình độ khoa học kỹ thuật còn rất thấp kém. Muốn xây dựng đất nước phải tiếp thu khoa học kỹ thuật tiên tiến của các nước.

+ Hồ Chí Minh còn coi trọng việc kêu gọi tư bản nước ngoài và hợp tác với họ, sự hợp tác đó là có lợi cho cả đôi bên.

+ Sự giúp đỡ của các nước anh em cũng là một nguồn quan trọng. Hồ Chí Minh coi đó cũng như cái vốn ban đầu để giúp ta phát huy những nguồn nội lực trong nước, nhất là khi đất nước đang có chiến tranh, còn gặp nhiều khó khăn.

- Theo Hồ Chí Minh, mọi thành tựu của khoa học kỹ thuật, mọi nguồn lực kinh tế văn hóa đã được tạo ra đều là tài sản chung của nhân loại. Giai cấp tư sản biết lợi dụng thành tựu đó để làm giàu, thì chúng ta cũng phải tận dụng nó để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội có xây dựng được thành công hay không, trước hết là phải kế thừa và phát triển được những thành tựu đó của nhân loại, mà phần lớn nó đang bị giai cấp tư sản các nước nắm giữ. Cho nên, theo Hồ Chí Minh, chính sách đối ngoại của Việt Nam là "làm bạn với mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai". Chúng ta sẵn sàng hợp tác với các nước trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, kể cả các nước không cùng chế độ xã hội, cả nước đã từng xâm lược Việt Nam. Trong khi hợp tác với các nước, phải luôn cảnh giác với những kẻ lợi dụng hợp tác để xâm lược.

- Trong thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cũng có lúc chúng ta chưa coi trọng vấn đề hợp tác quốc tế. Nền kinh tế hầu như đóng cửa khép kín, viện trợ quốc tế sử dụng không hợp lý, không hiệu quả. Từ Đại hội VI của Đảng, với đường lối đổi mới toàn diện, chúng ta mới thực sự coi trọng vấn đề hợp tác quốc tế, "muốn là bạn với các nước". Nhờ đó mà nền kinh tế xã hội nước ta đã có những bước phát triển nhanh chóng.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Phải xây dựng kế hoạch toàn diện, chu đáo

"Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc quản lý kinh tế tài chính là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc". Quản lý kinh tế trước hết là quản lý bằng kế hoạch, nó được biểu hiện ở kế hoạch thống nhất của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, ở chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển nền kinh tế xã hội.

- Theo Hồ Chí Minh, xây dựng kế hoạch phải đồng bộ, có nhiều loại và thống nhất với nhau: kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch trung ương, địa phương, cơ sở. Các kế hoạch đó phải phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình và phù hợp với kế hoạch chung.

- Kế hoạch là sản phẩm của chủ quan (do con người lập ra), nhưng lại phải phù hợp với khách quan. Muốn vậy xây dựng kế hoạch phải dân chủ, "nghĩa là từ trên xuống, từ dưới lên trên, nghĩa là chính phủ trung ương có kế hoạch cho toàn quốc, và địa phương căn cứ theo kế hoạch toàn quốc mà đặt kế hoạch thích hợp với địa phương mình, cho đến mỗi ngành, mỗi gia đình, mỗi người sẽ có kế hoạch riêng của mình, ăn khớp với kế hoạch chung". Kế hoạch dân chủ ngày nay cũng có nghĩa là gắn với thị trường.

- Xây dựng kế hoạch phải gắn liền với biện pháp và sự chỉ đạo cụ thể. "Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần, nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần. Có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch".

- Ở nước ta thời bao cấp, xây dựng kế hoạch quan liêu, áp đặt từ trên xuống, không quan tâm đến thị trường, ít chú ý đến kế hoạch dài hạn. Cho nên phần lớn kế hoạch đặt ra không thực hiện được. Chỉ từ sau khi có đường lối đổi mới, công tác kế hoạch nước ta mới đi vào nề nếp và có khoa học. Đại hội VII của Đảng đã thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu

- Hồ Chí Minh coi đây là biện pháp quan trọng để tích lũy vốn, để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đặc biệt là ở một nước nghèo và lạc hậu như nước ta.

- Tiết kiệm là sử dụng nguyên vật liệu, sức lao động, thời gian, tiền của... hợp lý để đạt hiệu quả cao về sản xuất kinh doanh trong điều kiện cho phép. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào "gió vào nhà trống". Tiết kiệm có thể thực hiện ở nhiều lĩnh vực và hình thức khác nhau. Một hình thức tiết kiệm mà Hồ Chí Minh rất quan tâm trong hoàn cảnh nước nghèo và vốn ít như nước ta, đó là quay vòng vốn: "Biết làm cho vốn quay vòng nhanh, thì có ít vốn mà dùng được nhiều lần, nên sản xuất được nhiều".

- Tiết kiệm còn là tiêu chuẩn đạo đức của con người Việt Nam mới, Người đã từng nói: "Trời có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, đất có bốn phương: đông, tây, nam, bắc, người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính. Thiếu một mùa thì không thành trời, thiếu một phương thì không thành đất, thiếu một đức thì không thành người." Nhưng tiết kiệm không phải là bủn xỉn, keo kiệt, không phải coi đồng tiền "to bằng cái nóng", gặp việc đáng làm thì không làm, đáng tiêu mà không tiêu. Trái lại tiết kiệm là để giúp vào việc tăng gia sản xuất và nâng cao đời sống.

- Chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

+ Tham Ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. "Tham Ô là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội".

+ Lãng phí cũng nguy hại như tham ô. Tuy khác với tham ô, nhưng xét đến kết quả tai hại đến tài sản của Nhà nước, của tập thể thì nó cũng không kém.

+ Quan liêu "là nguồn gốc sinh ra lãng phí tham ô. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng ở đâu có bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí tham ô. Cho nên, muốn triệt để chống tham ô lãng phí thì phải kiên quyết chống nguồn gốc của nó là bệnh quan liêu.

- Ngày nay trong công cuộc đổi mới đất nước, vấn đề chống tham nhũng đang là mặt trận nóng bỏng, không những có ý nghĩa to lớn trong mặt trận sản xuất và tiết kiệm, nâng cao đời sống nhân dân, mà còn là uy tín chính trị của Đảng và Nhà nước, là sự tồn vong của chế độ xã hội. Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về chống tham ô, lãng

phí, quan liêu đang thực sự là kim chỉ nam cho hành động chống tham nhũng hiện nay của toàn Đảng toàn dân ta.

3. Vấn đề cán bộ quản lý kinh tế

- Hồ Chí Minh ví cán bộ quản lý kinh tế như tiền vốn của đoàn thể. ĐÓ chính là điều kiện quan trọng nhất của sản xuất kinh doanh và bảo đảm có lãi. Vậy cán bộ tốt theo quan điểm của Hồ Chí Minh phải thế nào?

- Vấn đề quan tâm nhất của Hồ Chí Minh đó là đạo đức, người cán bộ quản lý phải có đạo đức cách mạng thì mới lãnh đạo được quần chúng. Đạo đức cách mạng của người cán bộ quản lý kinh tế cũng như người cán bộ nói chung: đối với mình phải đừng tự mãn tự túc, phải học hỏi cầu tiến bộ, phải siêng năng tiết kiệm; đối với đồng chí, đồng nghiệp phải thân ái giúp đỡ, không ghen ghét đố kỵ và không khinh kẻ không bằng mình; đối với công việc phải nghĩ cho kỹ, việc trước phải nghĩ đến việc sau, việc địa phương mình phải nghĩ đến việc địa phương khác. Đối với nhân dân phải hết sức phục vụ, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, tin tưởng tôn trọng và học hỏi ở dân; đối với đoàn thể có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thành tận tụy hy sinh vì đoàn thể

- Bên cạnh đức còn phải có tài năng, vì không có tài thì làm việc gì cũng khó, thậm chí là không hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Tài năng của người cán bộ quản lý kinh tế là khả năng nắm vững chuyên môn nghiệp vụ của mình, thông thạo những công việc mà mình phụ trách. Chỉ có như vậy mới hoàn thành tốt công việc được giao. Hồ Chí Minh yêu cầu, ai lãnh đạo trong lĩnh vực hoạt động nào cũng phải biết rõ chuyên môn của lĩnh vực đó.

- Đức và tài của người cán bộ quản lý kinh tế đều quan trọng, nhưng trong đó đức là quan trọng nhất. Bởi vì đức là cơ sở cho tài nảy sinh và phát triển. Người có đức sẽ khiêm tốn học tập, tích cực rèn luyện tu dưỡng để thành tài. Người có đức sẽ biết sử dụng cái tài đúng đắn và phục vụ cho lợi ích chung của xã hội nhiều hơn. Nếu có tài mà thiếu đức thì tài không thể phát huy, thậm chí còn là nguy hiểm.

- Đào tạo cán bộ quản lý kinh tế là công việc gốc của Đảng Trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn, đặc biệt là phải biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Đào tạo phải căn cứ vào nhu cầu của xã hội, của nền kinh tế nước nhà.

- Sử dụng cán bộ phải phù hợp với tài năng của từng người. Dùng cán bộ không phù hợp với tài năng của họ là nguyên nhân dẫn đến thất bại. Sử dụng cán bộ còn phải chú ý đến cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số cũng như cán bộ trẻ có năng lực.

- Đảng ta trong quá trình xây dựng đất nước cũng rất chú ý đến vấn đề cán bộ quản lý kinh tế. Tuy nhiên cũng có lúc, có nơi chưa vận dụng đúng hoặc còn xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh. Có lúc quá thiên về đức, quá chú trọng đến quá khứ lý lịch mà không sử dụng được người tài. Ngược lại, có lúc lại quá coi trọng bằng cấp và chuyên môn mà thiếu giáo dục đạo đức, dẫn đến tình trạng tham ô, cửa quyền, thoái

hoá biến chất... Trong sử dụng cán bộ có lúc chỉ vì người chứ không phải vì công việc, làm cho bộ máy quản lý công kênh, kém hiệu lực. Thực tế cho thấy lúc nào và ở đâu vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ, thì ở đó tránh được những tiêu cực thiếu sót nêu trên.

BÀI 8

MẤY VẤN ĐỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

I. BỐI CẢNH MỚI, CỤC DIỆN MỚI KHI VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đặc điểm tình hình thế giới hiện nay

- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đã có bước phát triển nhảy vọt chưa từng thấy, dẫn đến những thay đổi to lớn trong xã hội loài người. Nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ mà hai đặc trưng cơ bản là xã hội thông tin và kinh tế tri thức; cách mạng khoa học và công nghệ là động lực xuyên quốc gia, làm cơ sở cho quá trình toàn cầu hoá; trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển, xu hướng liên kết hợp tác đang diễn ra mạnh mẽ, với nhiều cấp độ, cả về nhiều mặt giữa các nước khác nhau.

- Cục diện chính trị thế giới có sự thay đổi căn bản. Sự khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa dẫn đến sự sụp đổ của các nước ở Đông Âu và Liên Xô; các quốc gia độc lập cũng đang bị phân hoá mạnh và có xu hướng chống lại sự can thiệp, áp đặt và xâm lược từ bên ngoài; chủ nghĩa tư bản đang bị tấn công từ mọi phía, nhưng vẫn còn có khả năng phát triển nhất định, do nắm và sử dụng được các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, song vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có.

- Chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố diễn ra phức tạp. Tuy nhiên xu hướng là đi vào ổn định phát triển kinh tế, chú trọng lợi ích dân tộc.

2. Tình hình nước ta sau hơn 15 năm đổi mới.

- Đại hội lần IX của Đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ ra những cơ hội và thách thức của đất nước trong giai đoạn cách mạng mới như sau:

CƠ HỘI :

+ Những thành tựu to lớn và quan trọng của 15 năm đổi mới đã làm cho thế và lực của ta mạnh lên nhiều.

+ Đất nước còn nhiều tiềm năng to lớn về tài nguyên, lao động, nhân dân ta có những

truyền thống tốt đẹp.

+ Tình hình chính trị xã hội cơ bản ổn định.

+ Môi trường hoà bình, sự hợp tác liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta.

- Thách thức:

Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra trước đó là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước, nguy cơ chênh lệch xã hội chủ nghĩa, nguy cơ tham nhũng và tệ quan liêu nguy cơ diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen và tác động lẫn nhau trong đó cần nhấn mạnh: nguy cơ tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân đang là vấn đề bức xúc thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Trước tình hình trên, chúng ta phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào để nắm lấy vận hội, đẩy lùi nguy cơ vượt qua thách thức.

II. MẤY QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CHỈ ĐẠO VIỆC VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Quan điểm lý luận gắn với thực tiễn.

- Đây là quan điểm rất cơ bản. Lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn mà không có lý luận là thực tiễn mù quáng. Lý luận phải đem ra thực hành, thực hành, phải có lý luận dẫn đường. Quan điểm này đòi hỏi phải nắm vững lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn Việt Nam hiện nay.

2. Quan điểm lịch sử cụ thể

- Khi xem xét những luận điểm lời nói, không được tách rời hoàn cảnh, phải bám sát hoàn cảnh lúc đó. Mỗi sự kiện có nhiều tầng nhiều ý, dựa vào câu nói của Hồ Chí Minh nhưng lại phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi lời nói mới hiểu được ý nghĩa đích thực của nó. Khi hiểu được bản chất câu nói, luận điểm của Hồ Chí Minh lại phải vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

3. Quan điểm toàn diện và hệ thống

- Khi vận dụng lý luận phải có cái nhìn toàn cục, hệ thống, tránh chủ quan, phiến diện, cục bộ. Nếu xa rời quan điểm này sẽ bị nhầm lẫn, dẫn đến sai lầm, nhất là những vấn đề sách lược. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống và nhất quán ngay từ đầu. Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản tức là giành độc lập dân tộc để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là hạt nhân cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Quan điểm kế-thừa và phát triển

- Trong công cuộc đổi mới hiện nay, có nhiều vấn đề đặt ra mà HỒ Chí Minh chưa có điều kiện để cập. Nhưng Người đã cung cấp cho chúng ta những nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận cơ bản. Ta phải biết vận dụng tinh thần, phương pháp HỒ Chí Minh để nghiên cứu, tìm ra lời giải đáp cho những vấn đề khó khăn, thách thức hiện nay.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ Chí Minh

1. Phương hướng

- Nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh để giải đáp đúng những vấn đề do thực tiễn cách mạng nước ta đặt ra hiện nay. Vận dụng và phát triển phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Một số nội dung cấp bách cần vận dụng

a. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với lý tưởng xã hội chủ nghĩa

- Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vẫn là hai mục tiêu lớn của thời đại ngày nay. Các nước đế quốc đang ra sức khai thác, kích động, lôi cuốn các dân tộc đi vào con đường tư bản và phụ thuộc vào chúng.

Với nước ta, các thế lực thù địch vẫn chưa khép lại quá khứ vẫn đang kích động hận thù. Chúng ta vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

- Lợi dụng điều kiện toàn cầu hoá, các cường quốc đế quốc đang thực hiện âm mưu biến các nước chậm phát triển thành những bãi thải công nghiệp của chúng. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH theo tư tưởng HỒ Chí Minh, chúng ta cần phải ngăn chặn và vượt qua những thách thức trên, bảo đảm cho đất nước phát triển không chệch hướng XHCN.

b. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mọi chủ trương chính sách phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc.

- Phải chăm lo phát triển nguồn nhân lực con người nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi, đội ngũ trí thức, các nhà khoa học và công nghệ có trình độ cao, một đội ngũ đông đảo những người lao động được đào tạo, có tay nghề giỏi, có văn hoá, đạo đức, lối sống lành mạnh. Phải mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ, bồi dưỡng ý thức làm chủ của người dân.

c Không ngừng củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết trong Mặt trận TỔ QUỐC Việt Nam, đưa chiến lược đại đoàn kết HỒ Chí Minh lên một tầm cao mới.

- Hiện nay vẫn còn nhiều yếu tố gây nên tình trạng mất đoàn kết trong dân tộc, như phát triển nền kinh tế thị trường sẽ không tránh khỏi sự phân hoá giàu nghèo, sự cạnh tranh không lành mạnh, sinh ra nhiều tệ nạn xã hội; sự chênh lệch về trình độ, về

mức sống, về nhận thức của các dân tộc anh em cũng là nơi để kẻ thù lợi dụng, khoét sâu mâu thuẫn gây xung đột; tôn giáo ở Việt Nam cũng là vấn đề lớn, sẽ còn tồn tại lâu dài trong đời sống tinh thần xã hội. Kẻ thù chưa bao giờ từ bỏ âm mưu lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng ... Chúng ta phải vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để củng cố tăng cường mặt trận TỔ QUỐC Việt Nam, giữ vững và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

d. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực của Nhà nước - nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng: Đảng không những phải đề ra được đường lối đúng đắn, phù hợp mà còn phải có năng lực tổ chức thực hiện, biến đường lối thành hiện thực trong cuộc sống; hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; chống tham nhũng, suy thoái về chính trị về đạo đức và lối sống, mỗi Đảng viên phải là tấm gương để quần chúng noi theo.

- Hoàn thiện bộ máy Nhà nước: nhà nước thực hiện chức năng quản lý chủ yếu bằng hoạch định chính sách, xây dựng thể chế pháp luật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật. Nếu Nhà nước là một tổ chức công quyền thì nhân viên nhà nước chỉ là "công bộc", có trách nhiệm thi hành công vụ được giao phó; phải được nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước cả về đức và tài.

CÂU HỎI ÔN TẬP.

- 1 Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh?
2. Phân tích ảnh hưởng của truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Dựa trên cơ sở nào để khẳng định đến năm 1930, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được hình thành về cơ bản?
4. Hãy trình bày các giai đoạn hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh?
5. Căn cứ vào đâu mà Hồ Chí Minh nhận định: Cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc? Ý nghĩa thực tiễn của nhận định trên?
6. Hãy trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc? Vì sao Hồ Chí Minh cho rằng chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn trong các dân tộc thuộc địa?
7. Vì sao ở Việt Nam, muốn giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản?
8. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng trong cách mạng dân tộc dân

chủ nhân dân? Vận dụng tư tưởng bạo lực cách mạng trong tình hình hiện nay ở nước ta?

9. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội? Để phát huy động lực trong tình hình hiện nay, phải chú ý đến vấn đề gì?

10. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Phân tích đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ mà Hồ Chí Minh đã đề cập? '

11. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và ý nghĩa của nó trong thực tế hiện nay?

12. Nhận thức về sức mạnh thời đại và sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

13. Hãy làm rõ qui luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong vấn đề này.

14. Vì sao nói Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt nam đến thắng lợi? Cơ chế thị trường hiện nay có cần Đảng lãnh đạo không? Vì sao?

15. Làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh: "Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam"?

16. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng kiểu mới? Để xây dựng và củng cố Đảng ta hiện nay cần phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng kiểu mới như thế nào?

17. Hiểu như thế nào về Tư tưởng: " Nhà nước của dân, do dân và vì dân" của Hồ Chí Minh? Tính chất giai cấp của Nhà nước này thể hiện như thế nào?

18. Nhà nước của dân, do dân và vì dân mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng không làm triệt tiêu tính nhân dân và tính dân tộc vì sao?

19. Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam mới là gì? Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới theo Tư tưởng Hồ Chí Minh?

20. Phân tích những quan điểm chủ yếu trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

21. Hãy làm rõ những chức năng chính của văn hoá trong tư tưởng Hồ Chí Minh? Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hoá giáo dục?

22. Làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và sự vận dụng của Đảng ta?

23. Làm rõ Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý kinh tế và sự vận dụng của Đảng ta?

24. Vì sao khi vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh phải nắm vững bối cảnh hiện nay? Trong bối cảnh hiện nay cần phải quan tâm những gì?

25. Vì sao sự đổi mới theo con đường Hồ Chí Minh lựa chọn là phải gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội?

MỤC LỤC

Lời nói đầu

- Bài 1: Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
- Bài 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc
- Bài 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- Bài 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
- Bài 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- Bài 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, nhân văn và văn hóa
- Bài 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và quản lý kinh tế
- Bài 8: Một số vấn đề vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hiện nay

Câu hỏi ôn tập